

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM
(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị giao dự toán	Tổng kinh phí	Trong đó			Ghi chú
			Ngân sách TƯ	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	4.307	3.745	375	187	
2	Phòng Văn hóa và Thông tin	208	181	18	9	
3	Văn phòng HĐND&UBND	467	406	41	20	
4	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	2.028	1.763	176	89	
5	UBND xã Ba Đình	490	426	43	21	
6	UBND xã Ba Giang	536	466	47	23	
7	UBND xã Ba Vinh	490	426	43	21	
8	UBND xã Ba Điền	430	374	37	19	
9	UBND thị trấn Ba Tơ	430	374	37	19	
10	UBND xã Ba Cung	430	374	37	19	
11	UBND xã Ba Thành	430	374	37	19	
12	UBND xã Ba Vì	490	426	43	21	
	Tổng cộng	10.736	9.335	934	467	

PHỤ LỤC CHI TIẾT
PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Đơn vị giao dự toán	Tổng kinh phí	Trong đó			Ghi chú
				Ngân sách TU	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		4.096	3.561	356	179	
<i>I.1</i>	<i>Các dự án năm trước chuyển tiếp sang năm 2024</i>		370	321	32	17	
1	Nuôi heo cõ (kiềng sắt) sinh sản xã Ba Vi	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	142	124	12	6	
2	Nuôi heo ky sinh sản xã Ba Liên		221	192	19	10	
3	Nuôi trâu cái nội sinh sản xã Ba Điền		7	5	1	1	
<i>I.2</i>	<i>Dự án mới năm 2024</i>		3.726	3.240	324	162	
1	Chăn nuôi heo nội sinh sản xã Ba Dinh	UBND xã Ba Dinh	490	426	43	21	
2	Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Giang	UBND xã Ba Giang	536	466	47	23	
3	Chăn nuôi heo nội sinh sản xã Ba Vinh	UBND xã Ba Vinh	490	426	43	21	
4	Chăn nuôi vịt xiêm thương phẩm xã Ba Điền	UBND xã Ba Điền	430	374	37	19	
5	Chăn nuôi vịt xiêm thương phẩm thị trấn Ba Tơ	UBND thị trấn Ba Tơ	430	374	37	19	
6	Chăn nuôi gà thương phẩm xã Ba Cung	UBND xã Ba Cung	430	374	37	19	
7	Chăn nuôi gà thương phẩm xã Ba Thành	UBND xã Ba Thành	430	374	37	19	
8	Chăn nuôi heo nội sinh sản xã Ba Vi	UBND xã Ba Vi	490	426	43	21	
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		2.125	1.848	185	92	
<i>II.1</i>	<i>Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>		1.658	1.442	144	72	
*	<i>Dự án được phân bổ vốn từ các năm 2022, 2023</i>		870	757	76	37	
-	<i>Các dự án được phân bổ vốn năm 2022</i>		282	243	26	13	
1	Nuôi trâu cái nội sinh sản xã Ba Vinh	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	19	14	3	2	
2	Nuôi heo cõ (kiềng sắt) sinh sản xã Ba Tô		263	229	23	11	
-	<i>Các dự án được phân bổ vốn năm 2023</i>		588	514	50	24	
1	Nuôi heo móng cái sinh sản tại thị trấn Ba Tơ		207	181	18	8	
2	Nuôi heo móng cái sinh sản tại xã Ba Xa		178	155	15	8	
3	Nuôi heo móng cái sinh sản xã Ba Lễ		188	165	16	7	
4	Nuôi vịt xiêm xã Ba Cung		15	13	1	1	

STT	Dự án, hoạt động	Đơn vị giao dự toán	Tổng kinh phí	Trong đó			Ghi chú
				Ngân sách TƯ	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
*	<i>Dự án phát triển sản xuất mới năm 2024</i>		788	685	68	35	
1	Chăn nuôi heo nội sinh sản xã Ba Tô		403	350	35	18	
2	Chăn nuôi heo nội sinh sản xã Ba Trang		385	335	33	17	
II.2	<i>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</i>	Văn phòng HĐND&UBND huyện	467	406	41	20	
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		3.003	2.611	262	130	
III.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	Phòng LĐ-TB&XH	2.214	1.925	193	96	
III.2	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	Phòng LĐ-TB&XH	789	686	69	34	
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		407	354	35	18	
IV.1	<i>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</i>	Phòng VH&TT	208	181	18	9	
IV.2	<i>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	Phòng LĐ-TB&XH	199	173	17	9	
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình		1.105	961	96	48	
V.1	<i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</i>	Phòng LĐ-TB&XH	687	597	60	30	
V.2	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	Phòng LĐ-TB&XH	418	364	36	18	
	Tổng cộng		10.736	9.335	934	467	